|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Luật sửa đổi, bổ sung một số điều**

**của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 8/6/2018 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018, Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 28/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

Trong thời gian qua, Quốc hội đã ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung nhiều đạo luật quan trọng nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, trong đó có Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp. Các đạo luật này đã góp phần xóa bỏ rào cản về đầu tư, kinh doanh không phù hợp với kinh tế thị trường và cam kết hội nhập của Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo hướng ngày càng thuận lợi, minh bạch và bình đẳng giữa các nhà đầu tư.

Đặc biệt, các Luật này đã bãi bỏ một số yêu cầu, điều kiện tại thời điểm thành lập doanh nghiệp để từng bước chuyển đổi phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm; đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian thành lập doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài; bãi bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư trong nước; tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động trong quá trình hoạt động kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.

Theo đánh giá, xếp hạng của các tổ chức quốc tế, môi trường kinh doanh năm 2018 được cải thiện 13 bậc so với năm 2016 (trong đó, chỉ số thành phần Tiếp cận điện năng tăng 69 bậc, Nộp thuế và bảo hiểm xã hội tăng 36 bậc, Khởi sự kinh doanh tăng 17 bậc), Chỉ số Hiệu quả logistics tăng 25 bậc, Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu tăng 14 bậc…

Bên cạnh kết quả đạt được, thực tiễn gần 4 năm thi hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp đã đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa một số quy định của các Luật này bởi những lý do sau đây:

*Một là,* *mặc dù đã có nhiều cải cách theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhưng một số quy định của Luật Đầu tư còn thiếu tính khả thi, minh bạch và hiệu quả; cụ thể là:*

- Quy định của Luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện còn một số nội dung chưa đầy đủ, dẫn đến cách hiểu không thống nhất trong quá trình thực hiện; chưa có cơ chế giám sát chặt chẽ việc đề xuất sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để bảo đảm tuân thủ nguyên tắc quy định tại Khoản 1 và 3 Điều 7 của Luật.

- Luật Đầu tư và một số luật có liên quan chưa có công cụ cần thiết để sàng lọc, thu hút nhà đầu tư thật sự có năng lực để thực hiện dự án đầu tư có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu sử dụng hiệu quả các nguồn lực về đất đai, tài nguyên, khoáng sản, lao động, bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường và ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn thuế.

- Các lĩnh vực, ngành, nghề ưu đãi đầu tư còn dàn trải, thiếu tính chọn lọc. Một số tiêu chí, điều kiện và hình thức áp dụng ưu đãi đầu tư thiếu tính linh hoạt, chậm được đổi mới để đáp ứng yêu cầu thu hút các nguồn vốn đầu tư có chất lượng cao, khuyến khích hoạt động đổi mới, sáng tạo, chuyển giao công nghệ, hoạt động nghiên cứu-phát triển (R&D), thúc đẩy liên kết ngành, liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Bên cạnh đó, địa bàn ưu đãi đầu tư tiếp tục dàn trải do chưa có tiêu chí xác định cụ thể; chưa có sự phân biệt ưu đãi giữa ngành sản xuất với các hoạt động thương mại, dịch vụ và giữa các ngành, nghề đầu tư khác nhau trong các Khu kinh tế; chưa có cơ chế phù hợp để thu hút các tập đoàn đa quốc gia, các tập đoàn lớn nắm giữ công nghệ nguồn...

*-* Các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường chưa được quy định thống nhất, đồng bộ giữa Luật Đầu tư và các Luật có liên quan đã dẫn đến sự trùng lặp, chồng chéo về mục tiêu, nội dung quản lý, cơ quan thẩm định, phê duyệt, đồng thời không có sự kế thừa, công nhận kết quả của nhau.

- Luật chưa quy định cụ thể về khái niệm, mục đích, giá trị pháp lý, phạm vi áp dụng của thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chưa phân định rõ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư với thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tương ứng của Luật Đất đai và Luật Đấu thầu. Luật cũng chưa có quy định hợp lý về phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư phù hợp với yêu cầu cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh.

- Quy định của Luật về thủ tục thủ tục góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài và thủ tục triển khai dự án đầu tư (như điều chỉnh, tạm ngừng, giãn tiến độ, chấm dứt dự án đầu tư…) còn một số nội dung thiếu cụ thể dẫn đến cách hiểu không thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Luật cũng chưa quy định cụ thể, minh bạch các lĩnh vực, ngành, nghề khuyến khích, cấm, hạn chế đầu tư ra nước ngoài và đầu tư ra nước ngoài có điều kiện; các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện dự án đầu tư ở nước ngoài còn một số nội dung chưa rõ ràng, dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện.

*Hai là, một số nội dung của Luật Doanh nghiệp cần được tiếp tục cải thiện để tạo thuận lợi hơn nữa cho việc thành lập, tổ chức quản trị doanh nghiệp, nâng cao mức độ an toàn cho cổ đông, nhà đầu tư.*

Thực tiễn quá trình thực hiện Luật Doanh nghiệp cho thấy:

- Quy định của Luật về việc áp dụng luật chuyên ngành liên quan đến thủ tục thành lập doanh nghiệp (như Luật đấu giá, Luật Luật sư, Luật Chứng khoán…) dẫn đến phân tán đầu mối đăng ký thành lập doanh nghiệp.

- Một số thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp không còn phù hợp, không cần thiết, tạo gánh nặng chi phí, thời gian cho doanh nghiệp.

- Một số quy định chưa rõ ràng, không tương thích với sự thay đổi pháp luật có liên quan, không còn phù hợp với thực tiễn mới phát sinh.

- Một số quy định chưa thật sự tạo thuận lợi cho cổ đông bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình.

- Địa vị pháp lý của hộ kinh doanh còn thiếu rõ ràng do không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Điều này đã làm hạn chế đáng kể khả năng huy động nguồn lực đầu tư của mô hình kinh doanh này.

Đồng thời, Nghị quyết Hội nghị TW 5 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước đã đề ra chủ trương sửa đổi khái niệm doanh nghiệp nhà nước; theo đó, *“Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn”.* Do vậy, quy định tương ứng của Luật Doanh nghiệp cần được sửa đổi để thực hiện chủ trương nêu trên của Đảng.

*Ba là, Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp cần được tiếp tục hoàn thiện nhằm cải thiện, nâng cao sức cạnh của môi trường kinh doanh Việt Nam.*

Hiện nay, xếp hạng môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Việt Nam mới ở mức trung bình khá trên bình diện quốc tế (xếp thứ 69/190 về môi trường kinh doanh, thứ 77/140 về năng lực cạnh tranh). Trong khu vực ASEAN, Việt Nam đứng thứ 5 về môi trường kinh doanh, thứ 7 về năng lực cạnh tranh, chưa vào nhóm 4 nước dẫn đầu. Bên cạnh một số chỉ số có mức cải thiện nhanh, vẫn còn nhiều chỉ số chậm được cải thiện, thậm chí bị tụt hạng mạnh so với khu vực và thế giới như: Giải quyết phá sản doanh nghiệp năm 2018 giảm 8 bậc so với 2016, ở vị trí cuối bảng xếp hạng; Giao dịch thương mại qua biên giới giảm 7 bậc… Các chỉ số liên quan tới công nghệ, sáng tạo nhằm thích nghi với nền sản xuất mới trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 chậm được cải thiện đã làm cho Việt Nam bị giảm 01 bậc trong xếp hạng Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (WB), giảm 03 bậc trong xếp hạng Năng lực cạnh tranh toàn cầu của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF).

*(Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và rà soát vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật được gửi kèm theo Tờ trình này).*

**II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM VÀ YÊU CẦU XÂY DỰNG LUẬT**

**1. Mục tiêu tổng quát** của Luật này là nhằm tiếp tục tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch, bình đẳng cho mọi người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút các nguồn vốn đầu tư phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế, xã hội và yêu cầu thực hiện cam kết hội nhập của Việt Nam.

Theo đó, những mục tiêu cụ thể Dự án Luật này gồm:

*Một là,* hoàn thiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh, đồng thời cắt giảm một số ngành, nghề không cần thiết, bất hợp lý nhằm tiếp tục bảo đảm thực hiện đầy đủ, nhất quán quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà Luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện.

*Hai là,* hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng, bảo đảm an ninh, quốc phòng, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Ba là, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động thành lập doanh nghiệp; cắt giảm chi phí, thời gian khởi sự kinh doanh và thủ tục hành chính trong hoạt động đầu tư kinh doanh; mở rộng, nâng cao quyền tự chủ của doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư kinh doanh và quản lý doanh nghiệp; bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, thành viên của doanh nghiệp phù hợp thực tiễn và thông lệ quốc tế.

**2. Yêu cầu xây dựng Luật:**

- Bảo đảm thi hành đầy đủ và nhất quán những cải cách của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp.

- Bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, khả thi và hiệu quả trong việc thực hiện các quy định của Luật Đầu tư và các luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh, đặc biệt là các luật về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, môi trường, chuyển giao công nghệ….

- Bảo đảm tuân thủ các cam kết hội nhập của Việt Nam, trong đó có các cam kết liên quan đến mở cửa thị trường và tự hóa đầu tư theo các Hiệp định đầu tư song phương cũng như Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

**III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO LUẬT**

Thực hiện Nghị quyết số 57/2018/QH14 ngày 8/6/2018 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2018 và Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 28/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức thực hiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

Trong quá trình soạn thảo Luật này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành tổng kết thi hành Luật nhằm đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, vướng mắc và đề xuất giải pháp hoàn thiện; tổ chức rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các Luật có liên quan đến đầu tư, kinh doanh. Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ dự án Luật gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Căn cứ ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật và trình Chính phủ tại văn bản số 1319/TTr-BKHĐT ngày 4/3/2019.

Tuy nhiên, để xử lý toàn diện những bất cập, vướng mắc trong quá trình thi hành Luật, tạo chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời thể chế hóa đầy đủ, toàn diện những quan điểm của Đảng tại Nghị quyết của Bộ Chính trị về *"Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030"* (đã được BCS Đảng Chính phủ thông qua và trình Bộ Chính trị)*,* Chính phủ đã đề nghị lùi tiến độ trình Quốc hội cho ý kiến về Dự án Luật này từ Kỳ họp thứ 7 sang Kỳ họp thứ 8. Tại Nghị quyết số…. ngày 11/6/2019, Quốc hội đã đồng ý với đề nghị nêu trên của Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết ……. và chỉ đạo của Phó Thủ tướngVương Đình Huệ tại Thông báo số 100/TB-VPCP ngày 19/03/2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp tục rà soát vướng mắc trong quá trình thi hành Luật, nghiên cứu thông lệ quốc tế, kinh nghiệm quản lý đầu tư của một số nước trong khu vực, đồng thời tổ chức một số hội thảo, làm việc trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp về dự thảo Luật. Dự thảo Luật cũng tiếp tục được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư để lấy ý kiến của các đối tượng quan tâm.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư Pháp tại công văn số….. ngày…./7/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn thiện Dự án Luật trình Chính phủ.

**IV. NHỮNG NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO LUẬT**

**1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư:**

Luật này sửa đổi 30 điều, bổ sung 03 điều của Luật Đầu tư. Theo đó, những nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Đầu tư được phân thành 04 nhóm sau đây:

*1.1. Nhóm quy định về phạm vi điều chỉnh, các khái niệm, chính sách đầu tư kinh doanh:*

- Sửa đổi Điều 1 để phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư với các Luật có liên quan. Theo đó, hoạt động đầu tư kinh doanh không thuộc phạm điều chỉnh của Luật này gồm: (i) hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP); (ii) việc sử dụng vốn nhà nước, tài sản công, vốn của doanh nghiệp nhà nước để thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp, tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh; việc chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước.

- Bổ sung khái niệm "chấp thuận chủ trương đầu tư" để làm rõ mục đích, bản chất của việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thực hiện dự án. Theo đó, *chấp thuận chủ trương đầu tư là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn, hình thức lựa chọn nhà đầu tư và các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư.*

- Sửa đổi, bổ sung các khái niệm về *“đầu tư kinh doanh”, “ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện”, “điều kiện đầu tư kinh doanh”, “điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài”* theo hướng làm rõ hình thức, nội dung cụ thể của khái niệm này nhằm bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Sửa đổi khái niệm “*vốn đầu tư”* để thể hiện đầy đủ các hình thái tài sản được hình thành từ vốn đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự và Điều ước quốc tế (bao gồm cả quyền tài sản và các tài sản hình thành trong tương lai, quyền sở hữu trí tuệ, quyền kinh doanh, thương hiệu, bằng sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học…).

- Bổ sung quy định tại Điều 5 nhằm tạo cơ sở pháp lý để cơ quan quản lý áp dụng các biện pháp cần thiết (như từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, đình chỉ hoạt động đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư...) trong trường hợp các hoạt động này gây phương hại hoặc có nguy cơ gây phương hại đến an ninh, quốc phòng, di tích lịch sử, văn hóa, đạo đức, sức khỏe của cộng đồng và môi trường.

*1.2. Nhóm các quy định về ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh và ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:*

- Bổ sung ngành *“kinh doanh dịch vụ đòi nợ”* vào Danh mục ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đối với dịch vụ này, hạn chế tình trạng một số cá nhân, tổ chức lợi dụng hoạt động đòi nợ thuê gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự.

- Hoàn thiện một số quy định tại Điều 7 của Luật Đầu tư nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi nguyên tắc bảo đảm quyền tự do đầu tư kinh doanh của người dân và doanh nghiệp trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm hoặc quy định phải có điều kiện. Theo đó, Luật này đã bổ sung một số quy định về hình thức áp dụng, nội dung điều kiện đầu tư kinh doanh cũng như các nguyên tắc, điều kiện, thủ tục đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

- Bãi bỏ 17 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, đồng thời sửa đổi 6 ngành, nghề và bổ sung 3 ngành, nghề để phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước đối với các ngành, nghề này và bảo đảm tính thống nhất với các luật có liên quan.

Việc cắt giảm các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện dựa trên cơ sở 04 tiêu chí sau: (i) Bãi bỏ ngành, nghề không liên quan trực tiếp hoặc không chứng minh được có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng (khoản 2 Điều 14 Hiến pháp, Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư); (ii) Bãi bỏ ngành, nghề đã được quản lý bằng quy chuẩn, tiêu chuẩn; (iii) Bãi bỏ ngành, nghề mà chất lượng đầu ra của ngành nghề đó do thị trường, khách hàng lựa chọn, sàng lọc và quyết định; (iv) Bãi bỏ ngành nghề cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có thể lựa chọn, kiểm soát thông qua đấu thầu, đặt hàng của Nhà nước. Trong số các ngành, nghề sửa đổi, bổ sung, có 4 ngành được sửa đổi để thu hẹp phạm vi áp dụng; các ngành, nghề còn lại được bổ sung để thống nhất với các luật có liên quan.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát và đề xuất trình Chính phủ xem xét, báo cáo Quốc hội về việc cắt giảm, sửa đổi, bổ sung ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện trong quá trình thảo luận về Dự án Luật này.

*1.3. Nhóm các quy định về ngành, nghề, địa bàn ưu đãi đầu tư:*

Để bảo đảm thu hút đầu tư có chọn lọc, chất lượng, đổi mới hình thức, điều kiện và thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư, dự thảo Luật đã hoàn thiện quy định về ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo hướng:

- Ngoài 04 ngành ưu đãi đầu tư đã được bổ sung vào Luật Đầu tư theo quy định của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa[[1]](#footnote-1), Luật này bổ sung một số ngành, nghề/hoạt động đầu tư khác, gồm: *hoạt động nghiên cứu và phát triển; sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học; hoạt động đổi mới sáng tạo; sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ tạo ra hoặc tham gia chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành* (điểm a khoản 1 Điều 16)*.*

- Bổ sung quy định về nguyên tắc, điều kiện áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư để bảo đảm hiệu quả, chất lượng của việc thực hiện chính sách này (như: *áp dụng ưu đãi có thời hạn, theo giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ; nhà đầu tư phải bảo đảm đáp ứng điều kiện ưu đãi trong thời gian được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật; không được bảo đảm ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 13 Luật Đầu tư trong trường hợp ưu đãi đầu tư được cấp hoặc kê khai trái quy định của pháp luật…*).

- Sửa đổi, bổ sung các Điều 15, 16 để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật đầu tư, pháp luật về thuế, pháp luật về khoa học và công nghệ và pháp luật giáo dục về ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Theo đó, Khoản 4 Điều 15 được sửa đổi để loại bỏ dự án nhà ở thương mại ra khỏi đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư; Điểm i Khoản 1 Điều 16 được sửa đổi để bổ sung giáo dục đại học vào Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư.

- Bổ sung điều kiện áp dụng ưu đãi đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên để thống nhất với điều kiện ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, điểm c khoản 2 Điều 15 được sửa đổi để bổ sung một số điều kiện, gồm: có tổng doanh thu tối thiểu đạt mười nghìn tỷ đồng/năm, chậm nhất sau ba năm kể từ năm có doanh thu hoặc sử dụng trên ba nghìn lao động.

- Bổ sung cơ chế cho phép Thủ tướng Chính phủ quyết định mức ưu đãi cao hơn để khuyến khích phát triển một ngành, địa bàn đặc biệt hoặc dự án đặc biệt quan trọng có tác động lớn đến kinh tế - xã hội. Theo đó, đối với các loại dự án này, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng mức ưu đãi đầu tư cao hơn mức ưu đãi theo quy định của pháp luật nhưng không quá 50% mức ưu đãi cao nhất.

Ngoài ra, để phù hợp với giải pháp đặt ra tại Dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị về Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư với nước ngoài đến năm 2030 *(sau đây gọi là Dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị)*, Dự thảo Luật này tiếp tục quy định Danh mục ngành, nghề và địa bàn ưu đãi đầu tư thống nhất theo quy định của Luật Đầu tư (giao Chính phủ quy định chi tiết), áp dụng ưu đãi đầu tư theo dự án và không phân biệt ưu đãi đầu tư giữa dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng.

*1.3.Các quy định về thẩm quyền, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư:*

Luật này sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Bổ sung quy định để làm rõ nguyên tắc, điều kiện áp dụng từng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, gồm: (i) đấu giá quyền sử dụng đất theo pháp luật đất đai; (ii) đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo pháp luật đấu thầu; (iii) chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư.

Hình thức chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư chỉ được áp dụng trong trường hợp không đáp ứng điều kiện tổ chức đấu giá, đấu thầu (gồm các trường hợp: nhà đầu đã có quyền sử dụng đất hợp pháp; nhà đầu tư thực hiện dự án sản xuất trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế và các trường hợp khác mà pháp luật quy định không phải đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư).

- Đơn giản hóa thủ tục đầu tư đối với các dự án phù hợp với quy hoạch và thuộc Danh mục dự án được phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch (gồm Danh mục dự án quan trọng quốc gia, Danh mục dự án của tỉnh) theo hướng không yêu cầu phải thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án này, trừ dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ.

- Thu hẹp phạm vi dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo hướng loại bỏ dự án có quy mô vốn đầu tư trên 5.000 tỷ, dự án sản xuất thuốc lá; phân cấp cho UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư một số dự án phù hợp với quy hoạch (gồm dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh sân golf và dự án phát triển nhà ở, khu đô thị).

- Áp dụng thống nhất thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư đối với các dự án xây dựng nhà ở và đô thị để tránh trùng lặp về thẩm quyền, thủ tục quyết định/chấp thuận đầu tư dự án nhà ở, đô thị theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật nhà ở, đô thị.

- Loại bỏ thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng để thực hiện dự án đầu tư. Theo đó, đối với các dự án này, UBND cấp huyện xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền, điều kiện, thủ tục phù hợp với quy định của Luật Đất đai.

*1.4. Các quy định về đầu tư nước ngoài:*

Trên cơ sở những mục tiêu, quan điểm, giải pháp quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài theo Dự thảo Nghị quyết của Bộ Chính trị, Dự thảo Luật này đã sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

*Một là,* bổ sung quy định về Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài **theo cách tiếp cận chọn bỏ**. Danh mục này bao gồm:

- Ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận thị trường;

- Ngành, nghề nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận thị trường có điều kiện.

Ngoài Danh mục này, nhà đầu tư nước ngoài được áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường như quy định đối với nhà đầu tư trong nước.

Căn cứ điều kiện phát triển kinh tế, xã hội trong từng thời kỳ, các luật, pháp lệnh, Điều ước quốc tế về đầu tư, Chính phủ công bố Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện của nhà đầu tư nước ngoài.

*Hai là,* sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn ĐTNN theo hướng:

- Không yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài phải có dự án đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước khi thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và quỹ khởi nghiệp sáng tạo nhằm áp dụng thủ tục thuận lợi, đơn giản nhất phù hợp với những yêu cầu đặc thù trong hoạt động mô hình kinh doanh mới đầu tư dựa trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ…

- Bổ sung quy định về điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (gồm các điều kiện: không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; bảo đảm phù hợp với quy hoạch; đáp ứng các tiêu chí, định mức về sử dụng đất đai, lao động...).

- Bãi bỏ thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp trong trường hợp việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp không làm tăng tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp;

- Phân định rõ điều kiện, thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư và điều kiện, thủ tục góp vốn, mua, bán cổ phần của công ty đại chúng; tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng theo Luật Chứng khoán (nội dung sửa đổi tại khoản 2 Điều 26).

*1.5. Quy định về thủ tục triển khai thực hiện dự án đầu tư:*

Nhằm tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Dự thảo Luật này sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về điều chỉnh dự án đầu tư theo hướng:

+ Quy định quyền của nhà đầu tư trong việc điều chỉnh mục tiêu, quy mô, nội dung dự án đầu tư; sáp nhập, tách dự án đầu tư; thay đổi nhà đầu tư; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư và các nội dung khác.

+ Quy định về các trường hợp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Bỏ quy định về giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư để thực hiện thống nhất thủ tục điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm tính đồng bộ với quy định tại Điều 64 Luật Đất đai.

- Bổ sung biện pháp bảo lãnh nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhằm tháo gỡ khó khăn, mở rộng, đa dạng hóa các hình thức bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (khoản 1 Điều 42).

- Hoàn thiện các quy định về căn cứ chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trình tự thanh lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hướng thống nhất với quy định của Luật Đất đai (Điều 48).

- Bổ sung quy định về giám định vốn đầu tư trong trường hợp cần thiết để xác định căn cứ tính thuế, chống chuyển giá (Điều 44).

- Bổ sung quy định về gia hạn thực hiện dự án đầu tư. Theo đó, khi hết thời hạn thực hiện dự án mà nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục thực hiện dự án và đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật thì được xem xét gia hạn thực hiện hoạt động của dự án đầu tư nhưng không quá thời hạn tối đa theo quy định của Luật Đầu tư, trừ các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên (Điều 43).

*1.6. Nhóm các quy định về đầu tư ra nước ngoài:*

Những quy định về hoạt động đầu tư ra nước ngàoi được sửa đổi, bổ sung theo hướng:

- Bổ sung quy định về ngành, nghề cấm đầu tư ra nước ngoài, gồm các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 của Luật; ngành nghề có công nghệ, sản phẩm thuộc đối tượng cấm xuất khẩu và ngành, nghề bị cấm đầu tư ra nước ngoài theo các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Bổ sung quy định về ngành, nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện, gồm các ngành: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, khoa học và công nghệ, báo chí, phát thanh, truyền hình, kinh doanh bất động sản, khoa học và công nghệ.

- Bổ sung quy định về thủ tục lấy ý kiến Bộ Ngoại giao đối với dự án đầu tư tại các quốc gia, vùng lãnh thổ đang có chiến tranh, nội chiến, bất ổn về chính trị; quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam chưa thiết lập quan hệ ngoại giao; quốc gia, vùng lãnh thổ mà Việt Nam chưa ký kết các Hiệp định thương mại tự do, Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 61 để thu hẹp đối tượng thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 66 để làm rõ cơ chế sử dụng lợi nhuận ở nước ngoài để tăng vốn, mở rộng dự án đầu tư ở nước ngoài.

- Sửa đổi Khoản 2 Điều 71, 72 để bãi bỏ chế độ báo cáo tháng.

**2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp:**

Luật này sửa đổi 53 điều, bãi bỏ 02 điều và bổ sung 7 điều. Các nội dung sửa đổi, bổ sung cơ bản của Luật Doanh nghiệp như sau:

*2.1. Nội dung về đăng ký doanh nghiệp (Chương I và II)*

- Sửa đổi Điều 1 để bổ sung hộ kinh doanh vào đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

- Sửa đổi Điều 3 để áp dụng thống nhất trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó, trừ thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

- Bãi bỏ các thủ tục không còn cần thiết trong đăng ký doanh nghiệp, gồm: thủ tục đăng ký mẫu dấu trước khi sử dụng (bãi bỏ khoản 2 và khoản 5 Điều 44); thủ tục báo cáo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp (bãi bỏ Điều 12); thủ tục gửi thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính khi thành lập chi nhánh, đặt địa điểm kinh doanh mới (bãi bỏ khoản 1 Điều 34, khoản 4 Điều 46);

- Bãi bỏ yêu cầu phải nộp Điều lệ doanh nghiệp khi đăng ký thành lập công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần (các Điều 21, 22 và 23).

- Sửa đổi khoản 2 Điều 48 để quy định thời hạn góp vốn không bao gồm thời gian nhập khẩu, thực hiện thủ tục hành chính trong trường hợp người thành lập doanh nghiệp, cổ đông góp vốn bằng tài sản.

*2.2. Công ty trách nhiệm hữu hạn (mục 1 và 2 Chương III)*

- Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 78 theo hướng chuyển từ bắt buộc thành lập Ban kiểm soát sang cơ chế giao quyền cho chủ sở hữu quyết định và lựa chọn cơ chế giám sát, phù hợp với trường hợp cụ thể của doanh nghiệp.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 67 theo hướng mở rộng phạm vi người có liên quan, diễn giải rõ hơn các quy định này nhằm đảm bảo dễ áp dụng và áp dụng thống nhất trên thực tế.

- Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 78 theo hướng chuyển từ bắt buộc thành lập Ban kiểm soát sang cơ chế giao quyền cho chủ sở hữu quyết định và lựa chọn cơ chế giám sát, phù hợp với trường hợp cụ thể của doanh nghiệp.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 67 và điểm đ khoản 1 Điều 86 theo hướng liệt kê cụ thể các đối tượng là người có liên quan, đảm bảo tính rõ ràng của quy định; bổ sung các đối tượng là con dâu, con rể, anh chồng, chị chồng, em chồng.

*2.3. Doanh nghiệp nhà nước (Chương IV)*

Việc sửa đổi các quy định có liên về doanh nghiệp nhà nước để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết trung ương 5 đòi hỏi không chỉ sửa đổi tại Chương IV về doanh nghiệp nhà nước, mà còn sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại các chương III và V, cụ thể như sau:

- Bổ sung Điều 87a về doanh nghiệp nhà nước, theo hướng liệt kê rõ những doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp chi phối của Nhà nước.

- Doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ thì áp dụng quy định về tổ chức quản lý theo Chương IV Luật doanh nghiệp. Đồng thời, đổi tên Chương từ ‘doanh nghiệp nhà nước’ thành “doanh nghiệp mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ’. Doanh nghiệp có cổ phần, phần vốn góp chi phối của Nhà nước thì tùy vào hình thức pháp lý sẽ áp dụng quy định về tổ chức quản lý tương ứng áp dụng chung cho các doanh nghiệp. Nếu là công ty TNHH thì áp dụng Mục 1 Chương III – công ty TNHH 2 thành viên trở lên); nếu là công ty cổ phần thì áp dụng Chương V về công ty cổ phần.

- Đối với quy định về công ty TNHH có phần vốn góp chi phối của Nhà nước, hoàn thiện các quy định về: phải thành lập Ban kiểm soát (trước đây chỉ yêu cầu nếu có trên 11 thành viên – Đ.55); bổ sung Điều 65a về Ban kiểm soát; bổ sung điều kiện tiêu chuẩn, điều kiện giám đốc – điều kiện chuyên môn, kinh nghiệp, mở rộng đối tượng người có liên quan không được làm giám đốc để bao gồm: anh, em chồng, con rể, con dâu (Điều 65); quy định rõ hơn về chấp thuận hợp đồng giao dịch với người có liên quan (Điều 67); bổ sung Điều 72a về minh bạch hóa, công khai hóa thông tin.

- Đối với công ty cổ phần có cổ phần chi phối của nhà nước, hoàn thiện các nội dung sau đây: quy định rõ về cổ phần ưu đãi biểu quyết (cổ phần ‘vàng’ của nhà nước – không giới hạn về thời gian và mức độ biểu quyết ưu đãi (Điều 113); bổ sung quy định về Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) (Điều 113); bổ sung điều kiện tiêu chuẩn, điều kiện thành viên HĐQT, giám đốc – điều kiện chuyên môn, kinh nghiệp, đối tượng người có liên quan không được làm giám đốc (bổ sung khoản 5 Điều 157); bổ sung yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện đối với kiểm soát viên (bổ sung khoản 2 Điều 164).

*2.4. Công ty cổ phần (Chương V)*

- Sửa đổi khoản 2, 3 Điều 113, bổ sung khoản 7 Điều 113 để nêu rõ đối với cổ phần ưu đãi biểu quyết do tổ chức mà Chính phủ chỉ định nắm giữ thì không có hạn chế về thời hạn và không hạn chế số lượng tối đa quyền biểu quyết tương ứng.

- Bổ sung quy định về Chứng chỉ lưu ký không có quyền biểu quyết (NVDR) (Điều 113). Đồng thời, bổ sung khoản 6 Điều 144 về quyền biểu quyết đối với cổ phần phổ thông đã được lưu ký để phát hành Chứng chỉ ký quỹ không có quyền biểu quyết để tương thích với nội dung được sửa đổi tại Điều 113.

- Sửa đổi các khoản 2 Điều 114, khoản 4 Điều 149, khoản 1 Điều 161: bãi bỏ nội dung hạn chế về thời hạn tối thiểu sở hữu cổ phần đối với cổ đông để có thể thực hiện một số quyền nhất định, ví dụ như giới thiệu ứng cử viên HĐQT, xem xét, trích lục thông tin của công ty,...

- Bổ sung khoản 4 Điều 115 quy định rõ trách nhiệm của cổ đông trong việc bảo mật các thông tin mà cổ đông có quyền được xem xét, tra cứu, trích lục từ công ty.

- Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 134: thay cụm từ “Ban kiểm toán nội bộ thuộc HĐQT” thành “Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT” để phù hợp với thuật ngữ trên thực tế các công ty hiện đang sử dụng; phân biệt rõ ràng hơn với Ban kiểm toán nội bộ thuộc của công ty.

- Sửa đổi cách diễn đạt tại khoản 1 Điều 137 để thống nhất cách hiểu đúng và chính xác về thời điểm phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 140 để đảm bảo cho cổ đông lựa chọn việc ủy quyền tốt nhất để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình- Sửa đổi khoản 1 Điều 144 để làm rõ thêm quy định về bầu dồn phiếu là một chế định bầu thành viên Hội đồng quản trị đặc biệt, tách bạch với cơ chế thông qua Nghị quyết khác, quy định tại khoản 1 và 2 Điều 114.

- Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 151 theo hướng giải thích rõ hơn điều kiện về thời gian làm việc đối với thành viên Hội đồng quản trị độc lập, trong trường hợp người này thực hiện 2 nhiệm kỳ liên tiếp.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 158 theo hướng mở rộng quyền cổ đông, hạn chế HĐQT, Giám đốc, Tổng Giám đốc lạm dụng quyền hạn của mình cho lợi ích cá nhân.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 163 quy định rõ hơn khái niệm “chuyên trách” là “không đồng thời đảm nhiệm công việc khác tại công ty”; thay yêu cầu “phải là kiểm toán hoặc kế toán viên chuyên nghiệp” bằng “có trình độ chuyên môn tương đương kiểm toán viên hoặc kế toán viên”.

- Bãi bỏ khoản 2, 3 Điều 127 để đảm bảo việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp tương thích giữa các quy định hiện hành (điều kiện, trình tự, thủ tục của hoạt động này đã được quy định chi tiết tại Luật chứng khoán, Nghị định 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp).

- Bãi bỏ điểm c khoản 3 Điều 139; đồng thời sửa đổi khoản 2 Điều 140: bổ sung quy định rõ ràng hơn: Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của Luật dân sự và phải nêu rõ tên người và số lượng cổ phần được ủy quyền.

*2.5. Công ty hợp danh (Chương VI) và doanh nghiệp tư nhân (Chương VII).*

- Bổ sung quy định về thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ doanh nghiệp tư nhân trong một số trường hợp đặc biệt, như: chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, bị tạm giam, kết án tù, bị tước quyền hành nghề,... đối với thành viên hợp danh (khoản 1 Điều 180) và chủ doanh nghiệp tư nhân (bổ sung Điều 187a).

*2.6. Hộ kinh doanh:*

Bổ sung Chương VIIa về hộ kinh doanh (bao gồm Điều 187b, 187c) theo hướng tiếp tục thừa nhận sự tồn tại của ‘hộ kinh doanh’ bên cạnh các loại hình pháp lý khác là doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; là hình thức kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh nhỏ, siêu nhỏ, đơn giản, nhanh nhạy; tạo điều kiện gia đình có cơ hội kinh doanh nâng cao đời sống; xóa bỏ tất cả các hạn chế đối với hộ kinh doanh; không ép buộc hành chính hộ kinh doanh phải chuyển thành doanh nghiệp hoặc xóa bỏ hình thức hộ kinh doanh.

*2.7. Tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp (Chương IX):*

- Sửa đổi khoản 1 Điều 192 và khoản 2 Điều 193 theo hướng cho phép doanh nghiệp linh hoạt trong việc chia, tách doanh nghiệp theo quyết định của doanh nghiệp thay cho áp dụng hạn chế các phương thức cụ thể như quy định hiện hành.

- Sửa đổi các khoản 3 Điều 194, khoản 4 Điều 195 theo hướng bãi bỏ các quy định chi tiết về yêu cầu thông báo việc hợp nhất, sáp nhập cho cơ quan cạnh tranh vì không còn tương thích với Luật cạnh tranh; chỉ giữ lại yêu cầu các doanh nghiệp phải tuân thủ Luật cạnh tranh trước khi đăng ký lại các doanh nghiệp được hợp nhất, sáp nhập.

- Sửa đổi lại Điều 199 theo hướng cho phép doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi trực tiếp thành công ty cổ phần thay vì chỉ được chuyển đổi thành công ty TNHH như quy định hiện hành.

- Bổ sung Điều 199a về chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

**3. Điều khoản thi hành:**

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020. Đồng thời, để thực hiện Luật Căn cước công dân, Luật này quy định cá nhân được sử dụng số định danh cá nhân thay thế cho bản sao thẻ căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu và các giấy tờ chứng thực cá nhân khác khi thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

**VI. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN CHÍNH PHỦ**

**1. Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:**

**- Loại ý kiến thứ nhất:** Đề nghị không phân cấp cho UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với tất cả các dự án thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư vì hầu hết các dự án này đều là dự án quan trọng, nhạy cảm, có tính chất liên ngành, liên vùng cần có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Tuy nhiên, đề nghị xem xét thu hẹp phạm vi dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo hướng:

- Giao UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf, Dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Bỏ quy định Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên vì tiêu chí xác định dự án này không hợp lý, chỉ dựa giá trị vốn đầu tư của dự án mà không phân biệt ngành, nghề, hình thức đầu tư...dẫn đến nhiều vướng mắc, lúng túng trong việc áp dụng thủ tục đầu tư phù hợp. Mặt khác, những dự án quan trọng, nhạy cảm cần có sự chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đều đã được quy định tại cụ thể tại Điều 31 của Luật Đầu tư. Việc bỏ quy định này giúp giảm số lượng dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

**- Loại ý kiến thứ hai:** Thủ tướng Chính phủ không xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại Điều 31 Luật Đầu tư và giao toàn bộ các dự án này cho UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định để góp phần cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

**2. Về quy định đối với hoạt động đầu tư ra nước ngoài:**

**- Loại ý kiến thứ nhất** cho rằng, cơ chế quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư không đơn giản chỉ là quản lý dòng tiền mà được xem xét trên cơ sở mục tiêu, địa điểm đầu tư ở nước ngoài nhằm bảo đảm cân đối vĩ mô và phân bổ các nguồn lực đầu tư trong nước cũng như đầu tư ở nước ngoài.

Do vậy, việc bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài là chưa phù hợp với điều kiện quản lý của Việt Nam, gây khó khăn trong cân đối vĩ mô và kiểm soát dòng vốn đầu tư ra nước ngoài. Mặt khác, việc áp dụng chế độ đăng ký chuyển tiền ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối cần được cân nhắc bởi cơ quan này không có thẩm quyền quản lý hoạt động đầu tư, trong đó có hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Hiện nay, Trung Quốc vẫn đang thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư ra nước ngoài. Theo đó, dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước Trung ương và Dự án có quy mô lớn ( từ 300 triệu USD trở lên) phải được xem xét, chấp thuận của Ủy ban cải cách và phát triển; các dự án khác, tùy thuộc mục tiêu, quy mô, tính chất có thể được phân cấp cho Ủy ban cải cách và phát triển Quốc gia và Bộ Thương mại, Sở Thương mại. Ngoài ra, Ủy ban Giám sát và quản lý tài sản nhà nước Trung ương và cấp tỉnh được quyết định các dự án của DNNN thuộc quyền quản lý của mình. Cục Quản lý Ngoại hối thuộc Ngân hàng Trung ương Trung Quốc theo dõi và quản lý các giao dịch liên quan đến đầu tư ra nước ngoài (tương tự như chức năng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện nay).

**- Loại ý kiến thứ hai:** Đề nghị bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và thay bằng cơ chế đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối. Việc bỏ loại Giấy này không phải là giải pháp nhằm tự do hóa dòng vốn đầu tư ra nước ngoài, đồng thời cũng không đồng nghĩa với việc từ bỏ hay nới lỏng quản lý nhà nước đối với hoạt động này mà chỉ nhằm thay đổi phương thức quản lý nhà nước từ chế độ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sang chế độ quản lý, sử dụng dòng vốn đầu tư ra nước ngoài trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm của nhà đầu tư và trách nhiệm của từng cơ quan quản lý chuyên ngành.

**4. Về khái niệm doanh nghiệp nhà nước (Điều 87b):**

Để thể chế hóa Nghị quyết Hội nghị trung ương 5, Khoản 25 Điều 2 Dự thảo Luật đã bổ sung Điều 87a vào Luật Doanh nghiệp để sửa đổi khái niệm DNNN theo hướng quy định DNNN là doanh nghiệp *Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp khác có cổ phần, phần vốn góp chi phối của Nhà nước*.

Về vấn đề này, có 02 loại ý kiến khác nhau trong việc xác định tiêu chí "*cổ phần, phần vốn góp chi phối của Nhà nước"*; cụ thể là:

**Loại ý kiến thứ nhất** đề nghị quy định *"cổ phần, phần vốn góp chi phối của Nhà nước"* là trường hợp Nhà nước sở hữu từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Quy định như vậy sẽ luôn bảo đảm để chủ sở hữu Nhà nước chi phối một cách chủ động việc ban hành đa số quyết định thông thường của doanh nghiệp vì theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì các quyết định loại này được thông qua khi được cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biếu quyết chấp thuận.

Mặt khác, việc áp dụng tỷ lệ đa số từ 51% vốn điều lệ của chủ sở hữu Nhà nước sẽ không gây nhiều nghi ngại của các thành viên, cổ đông tư nhân cho rằng, doanh nghiệp có phần vốn góp, cổ phần đa số của thành viên, cổ đông tư nhân vẫn bị coi là DNNN và bị Nhà nước kiểm soát. Điều này tiềm ẩn nguy cơ gây khó khăn, vướng mắc trong quản trị doanh nghiệp, tác động không tốt đến tiến trình cơ cấu lại DNNN.

Ngoài ra, việc thực hiện phương án này sẽ không dẫn đến thay đổi lớn, đòi hỏi phải sửa đổi cơ bản các quy dịnh về DNNN vì hệ thống quy định về giám sát, quản lý DNNN hiện nay đang phân loại theo tiêu chí tương tự.

**Loại ý kiến thứ hai** đề nghị quy định *"cổ phần, phần vốn góp chi phối"* là trường hợp Nhà nước sở hữu trên 35% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Quy định này được đề xuất trên cơ sở quan điểm cho rằng phải hạ thấp tỷ lệ vốn điều lệ của chủ sở hữu Nhà nước tại doanh nghiệp xuống 35% để mở rộng khái niệm DNNN theo nghĩa "chi phối" với phạm vi rộng nhất; nghĩa là, trong trường hợp chủ sở hữu Nhà nước nắm giữ trên 35% vốn điều lệ thì quyết định của doanh nghiệp có thể không được thông qua nếu không được sự ý kiến đồng ý của chủ sở hữu Nhà nước. Quy định như vậy sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý chặt chẽ hơn hoạt động của DNNN.

Trên đây là Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.

*Tài liệu kèm theo Tờ trình gồm: (i) Dự thảo Luật; (ii) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp; (iii) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; (iv) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật; (v) Báo cáo tổng kết thi hành Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp; (iv) Bản tổng hợp ý kiến của bộ, ngành, địa phương kèm theo bản sao văn bản góp ý.*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ;- Văn phòng Trung ương Đảng;- Ban Nội chính TW;- Ủy ban Kinh tế QH, Ủy ban Pháp luật QH, Văn phòng QH (để phối hợp); - Bộ Tư pháp;- Lưu: VT, PC (3). |  BỘ TRƯỞNG  Nguyễn Chí Dũng |

**BẢN GIẢI TRÌNH**

**BÃI BỎ, BỔ SUNG MỘT SỐ NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN**

**THEO QUY ĐỊNH TẠI PHỤ LỤC 4 LUẬT ĐẦU TƯ**

**I. NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỀ XUẤT BÃI BỎ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành, nghề đề xuất bãi bỏ** | **Mục** | **Lý do, căn cứ** |
|  | Kinh doanh dịch vụ xoa bóp | 8 | Bãi bỏ vì ngành này đã được quản lý bằng điều kiện an ninh, trật tự theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP.  |
|  | Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại | 17 | Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định và áp dụng cho các hoạt động đầu tư kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi theo quy định tại khoản 16 Điều 2 Luật Doanh nghiệp, khoản 5 Điều 3 Luật Đầu tư. Trong khi đó, hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại (Mục 17) không phản ánh bản chất của một ngành, nghề kinh doanh, bởi “Trung tâm trọng tài hoạt động không vì mục đích lợi nhuận” (khoản 2 Điều 27 Luật Trọng tài thương mại). Hơn nữa, đây là cơ quan tài phán, được thành lập với mục đích xét xử.  |
|  | Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ | 36 | Về bản chất, mua bán nợ là giao dịch trong đó một khoản nợ (cùng với các quyền và nghĩa vụ gắn với khoản nợ đó) được chuyển từ chủ thể này sang chủ thể khác. “Nợ” – đối tượng của giao dịch này - bao gồm có thể là bất kỳ khoản nợ nào hình thành trong các giao dịch dân sự, thương mại bình thường (các khoản nợ có tính nhạy cảm, của một nhóm đối tượng đặc thù đã thuộc phạm vi điều chỉnh của các văn bản khác[[2]](#footnote-2)). Chủ thể của giao dịch mua bán nợ có thể là bất kỳ chủ thể kinh doanh nào (trừ các chủ thể chuyên nghiệp như các tổ chức tín dụng, các công ty chứng khoán…đã được kiểm soát bằng các văn bản pháp luật khác).Dịch vụ mua bán nợ chỉ là dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy các giao dịch mua bán nợ nói trên. Kết quả của giao dịch mua bán nợ không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ hay khoản nợ, mà chỉ thay đổi chủ thể thực hiện nghĩa vụ đó.Như vậy, việc thực hiện giao dịch mua bán nợ cũng như kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chỉ liên quan tới các chủ thể tham gia; không phù hợp với mục đích quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư 2014.Hơn nữa, theo quy định của pháp luật dân sự, “nợ” được xem là một loại hàng hóa, được giao dịch trên thị trường (những khoản nợ “đặc thù”, “nhiều nguy cơ” – ví dụ các khoản nợ xấu của các ngân hàng, các tổng công ty nhất định … - đã được điều chỉnh bới các văn bản riêng). Hệ thống pháp luật về dân sự, thương mại liên quan tới hoạt động mua bán hiện tại đã đủ cơ sở pháp lý để điều chỉnh giao dịch mua bán nợ cũng như các giao dịch hỗ trợ mua bán nợ. |
|  | Sản xuất, sửa chữa chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LGP)  | 43 | Chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (chai LPG) là sản phẩm chứa đựng nguy cơ gây mất an toàn cho người sử dụng, tác động đến môi trường, cần được kiểm soát. Trên thực tế, chai LPG đã được quản lý theo quy chuẩn kỹ thuật[[3]](#footnote-3). Bất kì chủ thể sản xuất, nhập khẩu, sửa chữa, kiểm định đều phải tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật này.Chai chứa LPG muốn lưu thông trên thị trường thì đều phải được kiểm định, bảo đảm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật mà không phụ thuộc vào sản phẩm do ai làm ra, bằng dây chuyền, thiết bị, công nghệ nào.Do đó, không cần thiết phải quản lý chủ thể sản xuất, sửa chữa chai LPG bằng điều kiện đầu tư kinh doanh. |
|  | Kinh doanh dịch vụ giám định thương mại | 44 | Bãi bỏ vì giám định thương mại là quan hệ dân sự và kết quả giám định mang tính tham khảo giữa các bên, chất lượng dịch vụ giám định do khách hàng, thị trường quyết định. |
|  | Nhượng quyền thương mại | 59 | Nhượng quyền thương mại là phương thức kinh doanh và không phải ngành, nghề đầu tư kinh doanh. Trường hợp nhượng quyền kinh doanh để kinh doanh trong các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì chủ thể thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh phải đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó và không áp dụng đối với bên nhượng quyền. |
|  | Kinh doanh dịch vụ Logistic | 60 | “Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá theo thoả thuận với khách hàng để hưởng thù lao”[[4]](#footnote-4).Theo quy định trên, dịch vụ logistic bao gồm nhiều hoạt động, liên quan đến nhiều ngành, nghề khác nhau. Trường hợp cần quản lý theo điều kiện đầu tư kinh doanh thì các ngành, nghề đã có quy định cụ thể. Do đó, bãi bỏ Logistic khỏi danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện để tránh chồng chéo, trùng lặp về điều kiện đầu tư kinh doanh.  |
|  | Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải | 89 | Theo Danh mục A ban hành kèm theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thì dịch vụ bảo đảm hàng hải gồm: hoa tiêu, thông tin duyên hải, bảo đảm an toàn hàng hải thuộc sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện theo phương thức đặt hàng; trường hợp không đáp ứng các điều kiện đặt hàng thì thực hiện theo phương thức giao kế hoạch, không phải mục đích kinh doanh. |
|  | Kinh doanh vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển | 90 | “Đại lý tàu biển” là dịch vụ mà người đại lý nhân danh chủ tàu hoặc người khai thác tàu biển tiến hành các dịch vụ liên quan đến tàu biển hoạt động tại cảng (ví dụ: thực hiện các thủ tục tàu biển đến, rời cảng; ký kết hợp đồng vận chuyển, hợp đồng bảo hiểm hàng hải, hợp đồng bốc dỡ hàng hóa, hợp đồng thuê tàu, hợp đồng thuê thuyền viên; ký phát vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương; cung ứng vật tư, nhiên liệu, thực phẩm, nước sinh hoạt cho tàu biển; trình kháng nghị hàng hải; thông tin liên lạc với chủ tàu hoặc người khai thác tàu; dịch vụ liên quan đến thuyền viên; thu, chi các khoản tiền liên quan đến hoạt động khai thác tàu; giải quyết tranh chấp về hợp đồng vận chuyển hoặc về tai nạn hàng hải và dịch vụ khác liên quan đến tàu biển[[5]](#footnote-5)).Như vậy, đại lý tàu biển là quan hệ dân sự, thương mại giữa bên kinh doanh tàu biển và bên nhận đại lý, tương tự như rất nhiều hoạt động đại lý trong các lĩnh vực ngành, nghề khác. Những rủi ro xuất phát từ hoạt động dịch vụ đại lý tàu biển này, nếu có, sẽ chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích của chủ tàu hoặc người khai thác tàu biển (người đã ủy quyền cho đại lý tàu biển thực hiện các công việc thay mình). Ngay cả khi hoạt động của đại lý tàu biển có liên quan tới cơ quan Nhà nước (ví dụ thủ tục cho tàu đến, rời cảng) thì nếu xảy ra rủi ro nào (ví dụ do đại lý làm sai) thì người chịu trách nhiệm trước Nhà nước vẫn là chủ tàu, người khai thác tàu biển chứ không phải đại lý. Vì vậy, không cần thiết quy định ngành, nghề này là ngành nghề có điều kiện. |
|  | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản | 108 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.  |
|  | Kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, vận hành nhà chung cư | 109 | Điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư.  |
|  | Kinh doanh dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hỏa táng | 120 | Ngành này không cần thiết phải quy định điều kiện kinh doanh và có thể quản lý thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật khi vận hành cơ sở hỏa táng, các quy định về môi trường. |
|  | Kinh doanh dịch vụ lập quy hoạch đô thị do tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện | 122 | Hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề này đã được quản lý theo điều kiện về hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài tại ngành, nghề số 115. |
|  | Kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế | 194 | Bãi bỏ vì theo quy định của Luật an toàn thực phẩm thì các cơ sở kinh doanh thực phẩm phải đáp ứng các điều kiện để bảo đảm an toàn đối với thực phẩm chứ không quy định các điều kiện để một cơ sở được phép kinh doanh thực phẩm. |
|  | Sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy | 203 | Không cần thiết quy định ngành này là ngành đầu tư kinh doanh có điều kiện; thay vào đó có thể quản lý thông qua các quy định về tiêu chuẩn chất lượng đối với mũ bảo hiểm. |
|  | Kinh doanh dịch vụ lưu trú | 214 | Việc xây dựng cơ sở lưu trú đã có sự kiểm tra, kiểm soát thiết kế, chất lượng xây dựng theo pháp luật về xây dựng. Quá trình hoạt động, cơ sở lưu trú được cơ quan có thẩm quyền quản lý theo quy định về an ninh trật tự, môi trường...và được phân loại xếp hạng theo quy định pháp luật. Khách lưu trú được quản lý theo quy định của Luật Cư trú. Ngoài ra, điều kiện đối với ngành, nghề này không đáp ứng mục tiêu quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư. |
|  | Kinh doanh dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng | 215 | Bãi bỏ ngành này vì: hoạt động quảng cáo quản lý nội dung từng sản phẩm quảng cáo. Dịch vụ giới thiệu sản phẩm quảng cáo đến công chúng chỉ đơn thuần là việc giới thiệu sản phẩm quảng cáo đã được chấp thuận đến công chúng.  |

**II. NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành, nghề đề xuất sửa đổi** | **Mục** | **Lý do, căn cứ** |
|  | “Kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (trừ hoạt động tiêu hủy) | 45 | Sửa đổi để loại bỏ hoạt động tiêu hủy ra khỏi ngành, nghề có điều kiện. |
|  | Hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối, bán buôn, bán lẻ~~,~~ tư vấn chuyên ngành điện lực | 54 | Sửa đổi để bãi bỏ ngành “xuất khẩu, nhập khẩu điện” vì ngành, nghề này không cần thiết phải quy định điều kiện đầu tư kinh doanh. Trên thực tế, Nghị định số 08/2018/NĐ-CP đã bãi bỏ toàn bộ điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành, nghề này (Bộ Công Thương đề xuất). |
|  | Kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủ sản, *chăn nuôi.* | 180 | Sửa đổi để bổ sung kinh doanh dịch vụ thử nghiệm, khảo nghiệm chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi. |
|  | Kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá, giám định công nghệ.  | 204 | Để thống nhất với quy định của Luật Giá năm 2012 và Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.  |
|  | Kinh doanh dịch vụ phát hành và phổ biến phim | 206 | Sửa đổi ngành, nghề: “Kinh doanh dịch vụ sản xuất, phát hành và phổ biến phim” thành ngành, nghề: “Kinh doanh dịch vụ phát hành và phổ biến phim” để bãi bỏ ngành sản xuất phim |
|  | Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng. | 244 | Sửa đổi ngành, nghề “Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán” thành “Cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng”. |

**II. NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN ĐỀ XUẤT BỔ SUNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành, nghề đề xuất bổ sung** | **Mục** | **Lý do, căn cứ** |
|  | Đăng kiểm tàu cá | 244 | Để thống nhất với Luật Thủy sản |
|  | Kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu | 245 | Để thống nhất với Luật Báo chí |
|  | Kinh doanh dịch vụ môi giới bảo hiểm | 246 | Để thống nhất với Luật Kinh doanh bảo hiểm |

1. Gồm: đầu tư kinh doanh chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. [↑](#footnote-ref-1)
2. Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

Thông tư 08/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06/9/2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam [↑](#footnote-ref-2)
3. Thông tư 18/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 31/7/2013 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép [↑](#footnote-ref-3)
4. Điều 233 Luật thương mại 2005 [↑](#footnote-ref-4)
5. Điều 235 Bộ luật Hàng hải 2015 [↑](#footnote-ref-5)